TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10-HẢI PHÒNG** Bản án số: 17/2026/HS-ST Ngày: 04/02/2026	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Đoàn và ông Nguyễn Văn Giang.

***- Thư ký ghi biên bản phiên tòa*:** Bà Hoàng Thị Hằng Nga, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10-Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10-Hải phòng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10, thành phố Hải Phòng, xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 03/2026/HSST ngày 10 tháng 01 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2026/QĐXXST-HS ngày 21/01/2026; Thông báo thay đổi địa điểm và hình thức xét xử số 11/CV-TA ngày 29/01/2026, đối với các bị cáo:

1/ Phạm Hồng T, sinh ngày 20/12/1985; giới tính: Nam. CCCD số: 030085005802; nơi cư trú: Thôn T, xã P, thành phố Hải Phòng. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: 9/12. Nghề nghiệp: Không. Con ông Phạm Văn Đ và bà Nguyễn Thị T1. Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ hai. Có vợ là Nguyễn Thị H.

Tiền án: Không.

Tiền sự: Bị cáo có 01 tiền sự. Quyết định số 25/2023/QĐ-TA ngày 09/10/2023, Phạm Hồng T bị Toà án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời gian 18 tháng. Ngày 28/02/2025, T chấp hành xong thời gian cai nghiện.

Về nhân thân:

+ Bản án số 46/2009/HSST ngày 29/10/2009, Phạm Hồng T bị Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương xử phạt 08 năm tù về tội Cướp tài sản. Ngày 26/5/2017, T chấp hành xong hình phạt tù; ngày 03/7/2014, thi hành xong phần thi hành án dân sự của bản án.

+ Bản án số 37/2019/HSST ngày 06/8/2019, Phạm Hồng T bị Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương xử phạt 10 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản.

Ngày 06/3/2020, T chấp hành xong hình phạt tù; ngày 31/10/2019, thi hành xong phần thi hành án dân sự của bản án.

+ Bản án số 70/2020/HS-ST ngày 22/12/2020, Phạm Hồng T bị Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương xử phạt 27 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Ngày 15/12/2022, T chấp hành xong hình phạt tù; ngày 22/3/2021, thi hành xong phần thi hành án dân sự của bản án.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 27/11/2025 đến ngày 30/11/2025 chuyển tạm giam tại Trại tạm giam số 2 - Công an thành phố H đến nay.

2/ Nguyễn Thị H, sinh ngày 26/5/1986; giới tính: Nữ. CCCD số: 030186013616; nơi đăng ký thường trú: Tổ dân phố Q, phường T, thành phố Hải phòng; nơi cư trú: Thôn T, xã P, thành phố Hải Phòng. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: 12/12. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Con ông Nguyễn Hữu L và bà Nguyễn Thị L1. Gia đình có 02 chị em, bị cáo là con thứ nhất. Có chồng là Phạm Hồng T. Tiền án, Tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 27/11/2025 đến ngày 30/11/2025 chuyển tạm giam tại Trại tạm giam số 2 - Công an thành phố H đến nay.

Các bị cáo đều có mặt tại phiên tòa.

**** Bị hại:*** Chị Vũ Thị P, sinh ngày 12/11/1996. CCCD số 030196006918; nơi thường trú: Thôn Q, xã P, thành phố Hải Phòng; Chỗ ở hiện nay: Thôn N, xã K, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

**** Người có quyền lợi liên quan:*** Chị Tô Thị O, sinh ngày 03/5/1984, CCCD số: 031184011179. Nơi cư trú: Thôn P, xã P, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

**** Người làm chứng:*** Đỗ Thị N và Phạm Văn H1 (đều vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ ngày 10/10/2025, Phạm Hồng T điều khiển xe máy của T chở vợ là Nguyễn Thị H đi tìm việc làm ở công ty Đ1 ở thôn Q, xã P, thành phố Hải Phòng. Khoảng 10 giờ cùng ngày, T chở H đến quán nước của gia đình bà Đỗ Thị N, sinh năm 1972 ở thôn Q, xã P để mua nước uống. T dựng xe máy gần cửa rồi cùng H đi bộ vào quán thì phát hiện thấy chiếc điện thoại Samsung Galaxy S25 Ultra 5G của chị Vũ Thị P (con dâu bà N), sinh năm 1996, trú tại thôn N, xã K, thành phố Hải Phòng để trên mặt tủ gỗ trong quán không có người trông giữ. T nảy sinh ý định trộm cắp chiếc điện thoại này đem bán lấy tiền tiêu xài nên đẩy H đi quay lại vị trí dựng xe, cắm chìa khoá xe vào ổ khoá điện rồi lấy mũ bảo hiểm đưa cho H, đồng thời bảo H đứng ngoài chờ để T vào lấy trộm điện thoại xong thì điều

khiển xe máy chở T chạy đi, H đồng ý. Sau đó, T đi vào quán nhà bà N lấy chiếc điện thoại của chị P để trên mặt tủ của quán cầm trên tay rồi đi nhanh ra vị trí H đang ngồi trên xe. Lúc này, H đề cho xe nổ máy nhưng không được, T đưa chiếc điện thoại di động trộm cắp được cho H và đẩy H ngồi lùi lại phía sau, T ngồi lên vị trí người lái cho xe nổ máy rồi chở H về nhà. Khi T khởi động xe, bà N, chị P và anh Phạm Văn H1 (chồng chị P), sinh năm 1996, trú tại thôn N, xã K đang ngồi trong phòng ngủ của bà N nói chuyện, nghe thấy tiếng xe máy nổ nhưng không thấy có người gọi mua hàng, anh H1 liền đi ra ngoài cửa quán thì nhìn thấy T điều khiển xe máy chở H đi về hướng Quốc lộ E. Cùng lúc này, chị P phát hiện chiếc điện thoại di động của mình bị mất nên tri hô: *Mất điện thoại của vợ,* anh H1 lấy xe ô tô đuổi theo T và H nhưng không kịp. Khi về đến nhà, T dùng tăm tre tháo sim điện thoại của chị P ra và châm lửa đốt chiếc sim này. Khoảng 11 giờ cùng ngày, T chở H đến cửa hàng mua bán điện thoại của vợ chồng chị Tô Thị O, sinh năm 1984 ở thôn P, xã P, thành phố Hải Phòng bán chiếc điện thoại trộm cắp được cho chị O với giá 6.000.000 đồng. Sau khi bán điện thoại, T chở H về nhà rồi T đi thành phố Hải Phòng chơi. Sau đó, T và H đều bỏ trốn khỏi địa phương. Ngày 26/11/2025, T và H đến Công an xã P đầu thú hành vi phạm tội của mình.

Kết luận của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự xã P ngày 28/10/2025, kết luận: 01 chiếc điện thoại di động Samsung Galaxy S25 Ultra 5G trị giá 21.000.000 đồng.

Quá trình điều tra, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với vật chứng thu giữ, lời khai của bị hại, người có quyền lợi liên quan, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Cáo trạng số 48/CT-VKSKV10 ngày 09/01/2026, Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 10, thành phố Hải Phòng truy tố Phạm Hồng T và Nguyễn Thị H về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa: Các bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội và xác định Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10, thành phố Hải Phòng truy tố các bị cáo về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự là đúng, không oan và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Bị hại, chị Vũ Thị P xin vắng mặt tại phiên tòa, xác nhận đã nhận lại chiếc điện thoại và không yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự đối với các bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt các bị cáo theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi liên quan, chị Tô Thị O xin vắng mặt tại phiên tòa và yêu cầu các bị cáo trả chị số tiền mua điện thoại là 6.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Phạm Hồng T và Nguyễn Thị H đồng phạm phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điều 58; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Phạm Hồng T và Nguyễn Thị H.

Xử phạt bị cáo Phạm Hồng T từ 17 đến 20 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, ngày 27/11/2025.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Hiền T2 14 đến 16 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, ngày 27/11/2025.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 579 Bộ luật dân sự. Buộc các bị cáo phải trả chị Tô Thị O 6.000.000 đồng, chia theo phần: Bị cáo T phải trả chị O 4.000.000 đồng, bị cáo H phải trả chị O 2.000.000 đồng.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10, thành phố Hải Phòng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự và người làm chứng tại phiên tòa: Tại phiên tòa hôm nay, bị hại là chị Vũ Thị P và người có quyền lợi liên quan là chị Tô Thị O đều xin xét xử vắng mặt; những người làm chứng đều vắng mặt tại phiên tòa. Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 292 và khoản 1 Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự, xét xử vắng mặt chị P, chị O và người làm chứng.

[3] Về hành vi của các bị cáo và các chứng cứ xác định tội:

Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi liên quan, người làm chứng tại cơ quan điều tra và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án có đủ căn cứ xác định: Khoảng 10 giờ

ngày 10/10/2025, tại quán bán hàng nước của gia đình bà Đỗ Thị N ở thôn Q, xã K, thành phố Hải Phòng, lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản của chủ sở hữu, Phạm Hồng T và Nguyễn Thị H đã lén lút chiếm đoạt của chị Vũ Thị P chiếc điện thoại di động Samsung Galaxy S25 Ultra 5G trị giá 21.000.000 đồng.

Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ được hành vi phạm tội của mình là nguy hiểm, bị pháp luật cấm nhưng vì hám lợi riêng, thích tiêu sài trên mồ hôi và công sức của người khác, nên đã cố ý phạm tội.

Hành vi trộm cắp tài sản của các bị cáo đã xâm phạm chế độ sở hữu về tài sản của công dân được Pháp luật bảo vệ và luật hình nghiêm cấm.

Cáo trạng số 48/CT-VKSKV10 ngày 09/01/2026, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10, thành phố Hải phòng và lời buộc tội của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10, thành phố Hải Phòng tại phiên tòa, đã truy tố các bị cáo về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của bị hại mà còn gây mất trật tự trị an tại địa phương.

Đây là vụ án có tính chất đồng phạm, trong đó bị cáo T là người khởi xướng và là người thực hành tích cực, trực tiếp trộm cắp tài sản nên giữ vai trò chính; bị cáo H là đồng phạm với vai trò là người giúp sức tích cực. Vì vậy, các bị cáo phải chịu hình phạt tương ứng với hành vi và hậu quả do các bị cáo gây ra.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo lần đầu phạm tội và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội; sau khi phạm tội, các bị cáo đến Cơ quan Công an đầu thú nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

[4] Về quyết định hình phạt:

Về hình phạt chính: Do các bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Do vậy, cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt đối với các bị cáo. Tuy nhiên, các bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tài sản giữa ban ngày, thể hiện sự coi thường Pháp luật; hành vi phạm tội của các bị cáo gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây bức xúc trong dư luận nhân dân; bị cáo T đã nhiều lần bị kết án, mặc dù đã được xóa án tích

nhưng không lấy làm bài học cho bản thân mà vẫn tiếp tục phạm tội do cố ý. Vì vậy, cần áp dụng hình phạt tù với mức án nghiêm, cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian mới đảm bảo tính nghiêm minh của Pháp luật và đủ điều kiện giáo dục, cải tạo các bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội, đồng thời răn đe, phòng ngừa tội phạm tương tự.

Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự thì các bị cáo còn có thể bị phạt tiền sung ngân sách Nhà nước, xét hoàn cảnh các bị cáo không có tài sản riêng, không có việc làm và thu nhập nên không phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản bị mất, không yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự đối với các bị cáo nên Hội đồng xét xử không đặt ra việc giải quyết.

Đối với số tiền 6.000.000 đồng các bị cáo thu được do bán điện thoại cho chị O, chị O yêu cầu các bị cáo trả chị số tiền trên. Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 579 Bộ luật dân sự, cần chấp nhận yêu cầu của chị O, buộc các bị cáo phải trả chị O 6.000.000 đồng. Chia theo phần, bị cáo T là người thực hiện hành vi phạm tội tích cực, là người trực tiếp bán điện thoại và sử dụng số tiền bán điện thoại nên phải trả chị O 4.000.000 đồng, bị cáo H phải trả chị O 2.000.000 đồng..

[6] Về vật chứng vụ án: Số tiền có được do phạm tội mà có, bị cáo T đã tiêu sài vào mục đích cá nhân hết. Ngày 18/10/2025, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố H quản lý chiếc điện thoại di động Samsung Galaxy S25 Ultra 5G do chị O tự nguyện giao nộp, sau đó đã trả lại chiếc điện thoại này cho chị P, là phù hợp.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các bị cáo bị kết án và buộc phải bồi thường về trách nhiệm dân sự nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự.

*** Trong vụ án này:**

Đối với chiếc xe máy các bị cáo chở nhau đi xin việc làm sau đó thực hiện hành vi phạm tội trộm cắp tài sản, xác định chiếc xe máy không liên quan đến việc phạm tội nên không đặt ra việc xử lý.

Đối với chị Tô Thị O khi mua chiếc điện thoại di động do T bán, chị O không biết đó là tài sản do T và H phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H không đặt ra việc xử lý, là phù hợp.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điều 58; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Phạm Hồng T và Nguyễn Thị H.

1/ Về tội danh: Tuyên bố: Các bị cáo Phạm Hồng T và Nguyễn Thị H đồng phạm phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2/ Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Phạm Hồng T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, ngày 27/11/2025.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H 01 (một)năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, ngày 27/11/2025.

3/ Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 579; Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Buộc các bị cáo Phạm Hồng T và Nguyễn Thị H phải liên đới trả chị Tô Thị O, sinh ngày 03/5/1984, CCCD số: 031184011179. Nơi cư trú: Thôn P, xã P, thành phố Hải Phòng 6.000.000 (sáu triệu) đồng. Chia theo phần, bị cáo T phải trả chị O 4.000.000 đồng, bị cáo H phải trả chị O 2.000.000 đồng.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

4/ Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án. Các bị cáo Phạm Hồng T và Nguyễn Thị H, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng án phí sơ thẩm hình sự và 150.000 đồng án phí dân sự. Tổng cộng mỗi bị cáo phải chịu 350.000 đồng án phí.

5/ Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết; người có quyền lợi liên quan được quyền kháng cáo bản án phần có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và

Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Bị cáo; bị hại; người có QLLQ;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND KV 10, TP. Hải Phòng;
- Công an xã Phú Thái & Công an phường Trần Liễu;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công TP. Hải Phòng;
- Cơ quan THAHS, Công an thành phố Hải Phòng;
- Phòng hồ sơ - Công an thành phố Hải Phòng;
- THADS thành phố Hải phòng;
- Lưu: Hồ sơ THAHS; Văn phòng; Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Văn Trung